

Gia Lai, ngày 29 tháng 08 năm 2020

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

- 1. Tên Công ty:** Công ty cổ phần Tập Đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam
- 2. Mã chứng khoán:** DL1
- 3. Địa chỉ trụ sở chính:** 120 Trần Phú, Phường Diên Hồng, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- 4. Điện thoại:** 02693 829 021 Fax: 02693 829 021
- 5. Người thực hiện công bố thông tin:** Nguyễn Tường Cột
- 6. Nội dung thông tin công bố :**
  - Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2020
  - Báo cáo tài chính riêng lẻ soát xét 6 tháng đầu năm 2020
  - Công văn số 156/CV-NLTT ngày 29/08/2020 về việc giải trình chênh lệch LNST 6 tháng đầu năm 2020 thay đổi trên 10% so với 6 tháng đầu năm 2019, chênh lệch trước và sau kiểm toán trên 5%.

**7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính:**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/08/2020 tại đường dẫn: <http://www.dl1.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu VT

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**NGUYỄN TƯỜNG CỘT**

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NĂNG  
LƯỢNG TÁI TẠO VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 155./CV-DL1

Gia Lai, ngày 29 tháng 8 năm 2020

V/v Giải trình LNST 6 tháng đầu năm  
2020 thay đổi trên 10% so với 6 tháng  
đầu năm 2019 và chênh lệch trước và sau  
kiểm toán trên 5%

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng Lượng Tái tạo Việt Nam ( tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán kế toán AAC; Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2020

Công ty xin giải trình lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2020 thay đổi so với 6 tháng đầu năm 2019 và lợi nhuận sau thuế chênh lệch trước và sau kiểm toán như sau:

**A. Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên 6 tháng đầu năm 2020 so với 6 tháng đầu năm 2019:**

**I. Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước trên BCTC riêng lẻ:**

Chỉ tiêu	Số liệu kiểm toán		Chênh lệch	%/ Tăng/ giảm
	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019		
	(1)	(2)		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.186.660.390	13.838.207.745	9.348.452.645	67,56%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.674.399.856	2.812.383.268	1.862.016.588	66,21%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.512.260.534	11.025.824.477	7.486.436.057	67,90%

Quá trình sản xuất 6 tháng đầu năm 2020 so với 6 tháng đầu năm 2019 cơ sở giảm doanh thu và tăng lợi nhuận

- Do ảnh hưởng Covid -19 lưu lượng khách giảm doanh thu kỳ này giảm 18,77% so với cùng kỳ năm trước

- Cơ cấu giá vốn hàng bán chiếm trong doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kỳ này chiếm 66,98%, cùng kỳ năm trước chiếm 61,75 %

- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 19,61% so với cùng kỳ năm trước

- Chi phí tài chính về lãi vay giảm 100 % so với cùng kỳ năm trước, chi phí tài chính trừ lãi vay tăng 100% so cùng kỳ năm trước

- Chi phí bán hàng giảm 17,78 % so với cùng kỳ năm trước
- Chi phí quản lý tăng 2,54% và hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi 8.500.840.000 đồng so với cùng kỳ năm trước

Chi phí so với cùng kỳ năm trước, cơ cấu chi phí kỳ này chiếm trong doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ như chi phí bán hàng kỳ này chiếm 5,29 %, kỳ trước chiếm 5,23 % . Chi phí quản lý kỳ này chiếm 17,33% và giá trị hoàn nhập dự phòng 8.500.840.000 đồng , kỳ trước chiếm 13,73 %.

**II. Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước trên BCTC hợp nhất :**

Chỉ tiêu	Số liệu kiểm toán		Chênh lệch (3)=(1)-(2)	% Tăng/ giảm (4)=(3)/(2)
	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019		
	(1)	(2)		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.539.920.502	20.133.753.360	(1.593.832.858)	-7,92%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.674.399.856	2.869.625.633	1.804.774.223	62,89%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	121.664.087	0	121.664.087	100%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.743.856.559	17.264.127.727	(3.520.271.168)	-20,39%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	14.799.826.390	17.124.909.490	(2.325.083.100)	-13,57%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(1.055.969.831)	139.218.237	(1.195.188.068)	-858,5%

Quá trình sản xuất 6 tháng đầu năm 2020 so với 6 tháng đầu năm 2019 cơ sở giảm doanh thu và giảm lợi nhuận

- Doanh thu kỳ này giảm 13,36% so với cùng kỳ năm trước
- Cơ cấu giá vốn hàng bán chiếm trong doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kỳ này chiếm 97,24%, cùng kỳ năm trước chiếm 96,58 %
- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 42,29% so với cùng kỳ năm trước
- Chi phí tài chính giảm 17,40 % so với cùng kỳ năm trước
- Chi phí bán hàng giảm 17,45 % so với cùng kỳ năm trước
- Chi phí quản lý giảm 53,66%, và hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi 3.040.058.233 đồng so với cùng kỳ năm trước

Chi phí so với cùng kỳ năm trước, cơ cấu chi phí kỳ này chiếm trong doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ như chi phí bán hàng kỳ này chiếm 0,49 %, kỳ trước chiếm 0,51 % . Chi phí quản lý kỳ này chiếm 1,5% và hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi 3.040.058.233 đồng, kỳ trước chiếm 2,8 %.

**B. Giải trình số liệu BCTC 6 tháng đầu năm 2020 có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên:**

**I. Các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán riêng:**

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.751.120.000	4.520.720.000	1.230.400.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	76.578.040.008	77.808.440.008	(1.230.400.000)
Phải thu ngắn hạn khác	136	21.184.020.924	7.120.262.019	14.063.758.905
Phải thu dài hạn khác	216	0	14.063.758.905	(14.063.758.905)
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	0	(608.320.434)	608.320.434
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>1.097.842.860.368</b>	<b>1.097.234.539.934</b>	<b>608.320.434</b>
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10.185.885.744	10.064.221.657	121.664.087
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	72.290.589.555	71.803.933.208	486.656.347
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421 a</i>	<i>53.291.672.674</i>	<i>53.291.672.674</i>	<i>0</i>
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421 b</i>	<i>18.998.916.881</i>	<i>18.512.260.534</i>	<i>486.656.347</i>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>1.097.842.860.368</b>	<b>1.097.234.539.934</b>	<b>608.320.434</b>

1. Trả trước cho người bán ngắn hạn tăng : 1.230.400.000 VNĐ và phải thu về cho vay ngắn hạn giảm: 1.230.400.000 VNĐ do ghi nhận phải thu về cho vay ngắn hạn sang Trả trước cho người bán ngắn hạn trên BCTC tự lập.

2. Phải thu ngắn hạn khác tăng ; 14.063.758.905 VNĐ và phải thu dài hạn khác giảm 14.063.758.905 VNĐ do ghi nhận khoản phải thu dài hạn sang ngắn hạn trên BCTC tự lập.

3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tăng 608.320.434 VNĐ do Công ty mẹ ghi nhận thiếu dự phòng đầu tư tài chính dài hạn kết quả hoạt động kinh doanh Công ty con trên BCTC tự lập.

4. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước tăng : 121.664.087 VNĐ do ghi nhận thiếu chi phí tài chính liên quan đến các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trên BCTC tự lập dẫn đến lợi nhuận trước và sau thuế thay đổi một khoản tương ứng.

5. Các điều chỉnh khác ảnh hưởng không đáng kể.

**II. Các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất:**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>MÃ SỐ</b>	<b>SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN</b>	<b>SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN</b>	<b>CHÊNH LỆCH</b>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11.465.447.640	10.235.047.640	1.230.400.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	78.278.040.008	247.384.940.008	(169.106.900.000)
Phải thu ngắn hạn khác	136	47.852.421.473	33.788.662.568	14.063.758.905
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(145.990.880)	(5.606.772.647)	5.460.7891.767
Phải thu về cho vay dài hạn	215	689.688.200.000	521.811.700.000	167.876.500.000
Phải thu dài hạn khác	216	0	14.063.758.905	(14.063.758.905)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	448.198.217.694	448.143.998.415	54.219.279
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>1.320.310.915.857</b>	<b>1.314.795.914.811</b>	<b>5.515.001.046</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	43.022.229.374	40.472.229.374	2.550.000.000
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	10.228.894.912	10.071.044.303	157.850.609
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	38.500.000.000	165.018.344.569	(126.518.344.569)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	123.968.344.569	0	123.968.344.569
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	0	121.664.087	(121.664.087)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	76.641.229.000	72.247.333.526	4.393.895.474
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421 a</i>	<i>57.447.507.136</i>	<i>57.447.507.136</i>	<i>0</i>
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421 b</i>	<i>19.193.721.864</i>	<i>14.799.826.390</i>	<i>4.393.895.474</i>
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	2.932.838.941	1.847.919.891	1.084.919.050
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>1.320.310.915.857</b>	<b>1.314.795.914.811</b>	<b>5.515.001.046</b>

1. Trả trước cho người bán ngắn hạn tăng: 1.230.400.000 VNĐ do ghi nhận phải thu về cho vay ngắn hạn sang Trả trước cho người bán ngắn hạn trên BCTC tự lập.
2. Phải thu về cho vay ngắn hạn giảm 169.106.900.000 VNĐ và phải thu về cho vay dài hạn tăng 167.876.500.000 VNĐ do ghi nhận phải thu về cho vay ngắn hạn sang phải thu về cho vay dài hạn và trình bày mục II. 1 này trên BCTC tự lập.
3. Phải thu ngắn hạn khác tăng ; 14.063.758.905 VNĐ và phải thu dài hạn khác giảm 14.063.758.905 VNĐ do Công ty mẹ ghi nhận khoản phải thu dài hạn sang ngắn hạn trên BCTC tự lập.
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tăng : 5.460.781.767 VNĐ do là Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku- Công ty con ghi nhận thiếu khoản trích lập dự phòng theo Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 trên BCTC tự lập.
5. Phải trả người bán ngắn hạn tăng : 2.550.000.000 VNĐ do Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku- Công ty con ghi nhận khoản Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn sang khoản phải trả người bán ngắn hạn trên BCTC tự lập.
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm : 126.518.344.569 VNĐ và vay và nợ thuê tài chính dài hạn tăng 123.968.344.569 VNĐ do do Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku- Công ty con ghi nhận khoản Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn sang vay và nợ thuê tài chính dài hạn trên BCTC tự lập.
7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước tăng : 157.850.609 VNĐ, Thuế thu nhập hoãn lại phải trả giảm : 121.664.087 VNĐ do Công ty mẹ ghi nhận thiếu chi phí tài chính đã trình bày Mục B.I.3, công ty con Mục B.II.4 và Lợi nhuận Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vạn Gia Long – Công ty liên doanh liên kết trên BCTC tự lập dẫn đến giảm lợi nhuận trước và sau thuế TNDN sau kiểm toán một khoản tương ứng.
8. Các điều chỉnh khác ảnh hưởng không đáng kể.

### III. Các chỉ tiêu trên bảng báo cáo kết quả kinh doanh riêng:

	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH
Chi phí tài chính	22	0	608.320.434	(608.320.434)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	23.794.980.824	23.186.660.390	608.320.434
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.796.063.943	4.674.399.856	121.664.087
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	18.998.916.881	18.512.260.534	486.656.347

1. Chi phí tài chính giảm : 608.320.434 VNĐ do Công mẹ ghi nhận thiếu chi phí tài chính đã trình bày Mục B.I.3 dẫn đến tổng lợi nhuận kế toán trước thuế , chi phí thuế TNDN hiện hành, lợi nhuận sau thuế TNDN giảm sau kiểm toán một khoản tương ứng.
2. Các điều chỉnh khác ảnh hưởng không đáng kể.

**IV. Các chỉ tiêu trên bảng báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất:**

	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH
Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24	79.008.112	24.788.833	54.219.279
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(7.147.049.682)	(1.680.517.459)	(5.466.532.223)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	24.084.850.837	18.539.920.502	5.544.930.335
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.838.236.322	4.674.399.856	163.836.466
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	0	121.664.087	(121.664.087)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	19.246.614.515	13.743.856.559	5.502.757.956
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61	19.193.721.864	14.799.826.559	4.393.895.474
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	52.892.651	(1.055.969.831)	1.108.862.482
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	190	146	44
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	190	146	44

1. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh tăng : 54.219.279 VNĐ do Công ty CP đầu tư xây dựng Vạn Gia Long – Công ty liên kết, liên doanh ghi nhận sai số lãi Công ty liên kết, liên doanh của công ty trên BCTC .

2. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm : 5.466.532.223 VNĐ do Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku– Công ty con ghi nhận thiếu chi phí quản lý doanh nghiệp khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ trên BCTC tự lập.

3. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng: 5.544.930.335VNĐ, chi phí thuế TNDN hiện hành tăng: 163.836.466VNĐ, chi phí thuế TNDN hoãn lại giảm 121.664.087 VNĐ, Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng: 5.502.757.956VNĐ là do chi phí quản lý khoản dự phòng phải thu khó đòi trên BCTC tự lập, nên chi phí TNDN hiện hành tăng, chi phí thuế TNDN hoãn lại giảm theo tỷ lệ dẫn đến Lợi nhuận sau thuế sau kiểm toán giảm theo tương ứng.

4. Lợi nhuận sau thuế TNDN thuộc cổ đông công ty mẹ sau kiểm toán tăng 4.393.895.474VNĐ, lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát tăng 1.108.862.482VNĐ, lãi cơ bản trên cổ phiếu, lãi suy giảm trên cổ phiếu so với số liệu sau kiểm toán chủ yếu do điều chỉnh đã trình bày mục III(1,2,3) này .

5. Các điều chỉnh khác ảnh hưởng không đáng kể.

**C. Giải trình vấn đề cần nhấn mạnh trên báo cáo kiểm toán tài chính riêng lẻ và hợp nhất 6 tháng đầu năm 2020**

**Tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ :**

Như trình bày tại mục (\*) của Thuyết minh số 8, Công ty đã cho một số tổ chức, cá nhân vay 599.620.140.008 đồng (tương đương 54,65% tổng tài sản). Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.

**Tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất :**

Như trình bày tại mục (\*) của Thuyết minh số 8, Công ty đã cho một số tổ chức, cá nhân vay 769.196.640.008 đồng (tương đương 58,5% tổng giá trị tài sản). Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.

**Chúng tôi xin giải trình vấn đề này như sau:** Đây là lưu ý của Công ty kiểm toán đến người đọc Báo cáo tài chính của Công ty.

Trên đây là giải trình của Công ty về một số nội dung liên quan đến báo cáo tài chính riêng lẻ và báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán 6 tháng đầu năm 2020 .

Trân trọng kính chào !

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu KT

**CÔNG TY CP TĐ NĂNG LƯỢNG  
TÁI TẠO VIỆT NAM**

Giám đốc



Nguyễn Tường Cột